TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 208/2023/HS-PT
Ngày 21-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Ngô Thanh Sỹ.

Ông Nguyễn Trung Hưng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hồ Đức Thảo- Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 75/2023/HS-PT ngày 27 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo Bùi Thị Minh N.

Do có kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 235/2022/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

+ Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Bùi Thị Minh N**, sinh ngày 10/02/1999 tại tỉnh Đồng Nai. Nơi cư trú: Ấp 6, xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Không; con ông Bùi Chí Linh và bà Ngô Thị Hà; bị cáo chưa có chồng con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Bà Lê Thị Oanh- Công ty luật TNHH Quang Huy và Cộng Sự- thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Trong vụ án còn có người bị hại ông Nguyễn Chí L không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 29/9/2019, Bùi Thị Minh N và Mai Vĩnh S đang ở trong nhà nghỉ 139 thuộc ấp 1, xã LT, huyện NT, tỉnh Đồng Nai thì N nhận được tin nhắn của Nguyễn Chí L (sinh năm 1999), ngụ tại ấp TC 1, xã TTA, huyện TĐ, tỉnh Sóc Trăng rủ N đi Vũng Tàu chơi và gửi hình ảnh chụp hình cùng xe mô tô nhãn hiệu Sonic biển số 83P3-758.53 (có số máy KB11E1172444, số khung MH1KB1111K157956) cho N xem, N đưa ảnh của anh L cho S xem và N kể cho S nghe trong thời gian anh L quen N trên mạng Zalo thì anh L thường hay nhắn tin gạ gẫm N quan hệ tình dục. Nghe vậy, S bàn với N rủ anh L xuống huyện NT, tỉnh Đồng Nai đi ăn uống và lợi dụng sở hở để chiếm đoạt xe mô tô của anh L, N đồng ý. N bàn với S rủ thêm Nguyễn Văn H (là bạn của S và N) cùng tham gia, H đồng ý và đi đến nhà nghỉ 139 để gặp N và S. Tại đây, H, S và N thống nhất để N đi gặp anh L và đưa anh L đi hát karaoke rồi nói dối là có 02 người anh ở thành phố BH, tỉnh Đồng Nai xuống chơi để N mượn xe anh L đi đón nhằm chiếm đoạt xe mô tô của anh L, còn S và H chở nhau về phòng trọ của H chờ N về.

Khi N gặp anh L, N nhờ anh L chở ra thị trấn LT thuộc huyện LT, tỉnh Đồng Nai để lấy đồ, mục đích để tìm sơ hở chiếm đoạt xe nhưng không thực hiện được nên N tiếp tục bảo anh L quay lại xã LT, huyện NT. Trên đường đi anh L nói N thuê nhà nghỉ đợi chiều mát đi Vũng Tàu, N dẫn anh L đến thuê phòng 203 thuộc nhà nghỉ 139, ấp 1, xã LT, huyện NT, tỉnh Đồng Nai. Tại đây, N nói dối "có 02 ông anh ở thành phố BH xuống chơi, phải đi đón", N mượn xe anh L để đi nhưng anh L nói để chở N đi. Trên đường đi qua khu vực Cầu Mít thuộc xã LT, N nhìn thấy có 01 chiếc xe ô tô 05 chỗ đi ngược chiều nên giả vờ giơ tay lên chào và nói dối anh L là 02 người anh vừa đi xe ô tô qua nên nói anh L chở quay lại nhà nghỉ 139. Trên đường đi, N kêu anh L ghé vào mua khẩu trang tại 01 tiệm thuốc tây ven đường. Sau đó, N chủ động điều khiển xe mô tô chở anh L về nhà nghỉ. Tại nhà nghỉ, N cố tình giữ chìa khóa xe, anh L giữ vé gửi xe. Lợi dụng lúc anh L vào phòng tắm, N đã lén lấy trộm vé gửi xe và nhắn tin cho H biết là "N đã lấy được chìa khóa xe của anh L, đồng thời đang ở trong phòng 203 nhà nghỉ 139". H nhắn tin nói "Anh lên đánh nó em chạy xe đi", N trả lời "OK". Sau đó, S và H điều khiển xe mô tô biển số 60Y7-3893 đến nhà

nghỉ 139, còn N lợi dụng anh L đang ở trong phòng tắm nên lén đi ra khỏi phòng 203 thì gặp H, N chỉ phòng 203 cho H xong thì đi xuống nhà xe. Tại nhà xe N gặp S, S hỏi "em đi đâu đấy", N trả lời "Em ra đây tý, anh lên trên đấy đi, anh H đang ở trên đấy". N vào nhà xe lấy xe mô tô biển số 83P3-75853 của anh L thì S vào dắt xe anh L ra ngoài cho N để N điều khiển xe mô tô về phòng trọ của H cất giấu.

Trong lúc đó, H đi vào phòng 203 gặp anh L đi từ phòng tắm ra, H liền dùng tay đánh vào mặt anh L hai cái để kéo dài thời gian cho N chiếm đoạt xe của anh L. Anh L xin H "ra quán cà phê nói chuyện", H đồng ý. Sau đó, S điều khiển xe mô tô biển số 60Y7-3893 chở H và anh L đến quán cà phê 207 thuộc khu phố PH, thị trấn HP, NT. Trên đường đi S nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của anh L nên nói dối việc N đang nợ S 12.000.000 đồng để ép anh L trả nợ thay cho N, H nghe được và hiểu ý của S nên điện thoại cho N dặn N nhắn tin vào máy điện thoại của H với nội dung N còn nợ S và H 12.000.000 đồng nhưng chưa có tiền để trả, mục đích để H đưa tin nhắn cho anh L xem và ép anh L phải trả nợ thay cho N, N đồng ý. Sau khi N nhắn tin, tại quán cà phê 207 thuộc khu phố PH, thị trấn HP, huyện NT, H và S yêu cầu anh L phải trả nợ thay cho N nhưng anh L không đồng ý, H dùng ly thủy tinh giơ lên dọa đánh, do sợ bị đánh nên anh L phải lấy hết ví tiền đưa cho S và H, S đếm được 3.500.000 đồng, S đưa lại cho anh L 500.000 đồng, còn 3.000.000 đồng thì S và H chiếm đoạt. Đồng thời, H yêu cầu anh L tiếp tục nhận nợ số tiền 9.000.000 đồng. S và H quay phim cảnh anh L nhận nợ và gửi cho N xem. Số tiền 3.000.000 đồng S, N và H cùng nhau tiêu xài hết, riêng xe mô tô biển số 83P3-758.53 của anh L thì S điều khiển về nhà S tại ấp BC, xã PT, huyện NT, tỉnh Đồng Nai. Tại đây, S tháo biển số xe 83P3-758.53 và lắp biển số 73G1-206.30 vào xe mô tô của anh L và tháo bỏ 01 số phụ kiện trên xe nhằm tránh bị phát hiện. Ngày 30/9/2019, H chở N và S bằng xe mô tô của anh L đến thị trấn HP, huyện NT thì bị phát hiện bắt giữ. (Bút lục số: 63 - 134, 230 - 278, 458 - 471).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 195/KLGĐ-HĐĐG ngày 07/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện NT kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Sonic, màu đen, biển số 83P3-758.53, giá trị sử dụng còn lại 90%, trị giá là 58.800.000 đồng.

+ Tại Bản án số 170/2021/HS-ST ngày 16/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện NT đã tuyên bố Mai Vĩnh S, Nguyễn Văn H phạm tội "Cướp tài sản" theo điểm đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tuyên phạt S 07 năm 06 tháng tù, H 07 năm tù.

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 235/2022/HS-ST ngày 27/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện NT, tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Căn cứ Điều 326, Điều 327 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị Minh N phạm tội "Cướp tài sản".

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Minh N **06** (**Sáu**) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời giam tạm giam từ ngày 30/9/2019 đến ngày 28/5/2022.

Ngoài ra, Bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

+ Ngày 09/01/2023 bị cáo N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị:

- Xem xét lại tội danh.

- Xin giảm nhẹ mức án, xử bị cáo bằng thời gian bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù.

- Làm rõ các vi phạm về việc bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù và việc chấp hành xong án phí hình sự của bản án số 102/2020/HS-ST ngày 22/9/2020 của Tòa án huyện NT.

Trường hợp không làm rõ được đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

+ Viện kiểm sát nhân dân huyện NT có Quyết định kháng nghị số 22/QĐ-VKS-NT ngày 10/01/2023, kháng nghị bản án sơ thẩm đề nghị tăng hình phạt tù đối với bị cáo N.

+ Luật sư bào chữa cho bị cáo N phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc điều tra đối với bị cáo N là sơ sài, không đầy đủ; không điều tra thu thập những thông tin tài liệu tại Toà án nơi ra quyết định thi hành án phạt tù; không điều tra thu thập thông tin tài liệu tại Trại giam XL nơi bị cáo N chấp hành án dẫn đến các quyết định tố tụng: Lệnh bắt tạm giam, quyết định truy nã, tạm hoãn xuất cảnh, tạm đình chỉ điều vi phạm nghiêm trọng tố tụng dẫn đến N vẫn tiếp tục thi hành án liên tục cho đến khi hết hạn tù; còn cơ quan điều tra vẫn điều tra hành vi N phạm tội đang thi hành án; Viện kiểm sát là cơ quan giám sát hoạt động điều tra ngay từ đầu nhưng cũng không giám sát điều tra theo quy định, vẫn phê chuẩn các quyết định, lệnh bắt không có căn cứ. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử làm rõ các vi phạm trên nếu không được đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại theo thủ tục chung.

- Về tội danh: Tại phiên toà, bị cáo N khai nhận tội như bản án sơ thẩm đã nêu và cho rằng bị cáo chỉ phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản", không phạm tội "Cướp tài sản" đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về tính chất, mức độ, vai trò phạm tội của bị cáo: Bị cáo N phạm tội với vai trò thứ yếu không đáng kể so với S và H, bị cáo không có tình tiết tăng nặng;

có nhân thân tốt, không tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, đã thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải; đã bồi thường; ông nội, ông ngoại, bà ngoại có công với cách mạng. Hơn nữa bị cáo đã chấp hành xong hình phạt 03 năm tù của Bản án số 102/2020/HSST ngày 22/9/2020 của Toà án nhân dân huyện NT về chính hành vi phạm tội này. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và các tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng nên căn cứ khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự đề nghị sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng, xử phạt bị cáo 3 năm tù bằng thời gian phạt tù mà bị cáo đã thi hành xong theo Bản án số 102/2020/HSST ngày 22/9/2020 của Toà án nhân dân huyện NT.

- Đối với kháng nghị: Như đã trình bày và đề nghị ở trên, xét thấy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện NT là không có cơ sở nên đề nghị không chấp nhận.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu:

- Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 22/QĐ-VKS-NT ngày 10/01/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

- Với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của bị cáo Bùi Thị Minh N tại phiên tòa phúc thẩm, nhận thấy cấp sơ thẩm có những vi phạm sau:

* Sau khi bản án hình sự sơ thẩm số 102/2020/HSST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện NT bị hủy để điều tra, xét xử lại, bị cáo N đang chấp hành án tại Trại giam XL nhưng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện NT không điều tra, xác minh làm rõ N đang ở đâu mà ra lệnh bắt tạm giam, truy nã, tạm hoãn xuất cảnh, tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự, tạm đình chỉ điều tra bị can là vi phạm pháp luật.

* Viện kiểm sát huyện NT phê chuẩn lệnh bắt bị can N của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện NT trong khi bị cáo N đang chấp hành án tại Trại giam XL là không đúng pháp luật.

* Cơ quan điều tra chưa xác minh tại Trại giam XL để thu thập các quyết định về thi hành án đối với N để liên hệ các cơ quan có thẩm quyền xem xét việc hủy các quyết định giảm án, giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

* Quá trình điều tra có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nhưng Viện kiểm sát và Tòa án huyện NT không trả hồ sơ để điều tra bổ sung là không đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

* Tòa án nhân dân huyện NT sau khi ra Quyết định hủy quyết định thi hành án phạt tù số 03/2021/QĐ-CA ngày 06/5/2021 nhưng không thực hiện việc

gửi quyết định này cho Trại giam XL và bị cáo để xử lý theo quy định là vi phạm thủ tục tố tụng.

Do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và việc thu thập chứng cứ không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 355, Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện NT, tỉnh Đồng Nai để điều tra xét xử lại theo thủ tục chung.

Bị cáo Bùi Thị Minh N không có ý kiến tranh luận và trong lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về đơn kháng cáo, kháng nghị: Đơn kháng cáo của bị cáo Bùi Thị Minh N và quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện NT làm trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

+ Về tội danh:

Căn cứ vào lời khai của bị cáo Bùi Thị Minh N tại phiên tòa cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Ngày 29/9/2019, Mai Vĩnh S, Bùi Thị Minh N và Nguyễn Văn H đã thực hiện hành vi dùng vũ lực để chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Sonic, màu đen, biển số 83P3-758.53 có giá trị là 58.800.000 đồng của anh Nguyễn Chí L tại nhà nghỉ 139 thuộc ấp 1, xã LT, huyện NT, tỉnh Đồng Nai. Sau đó, S, N và H tiếp tục đe dọa dung vũ lực ép buộc anh L phải đưa thêm 12.000.000 đồng, trong đó có 3.000.000 đồng tiền mặt và anh L nhận nợ lại số tiền 9.000.000 đồng (việc nhận nợ có ghi lại bằng video) tại quán cà phê 207 thuộc khu phố PH, thị trấn HP, huyện NT, tỉnh Đồng Nai. Tổng giá trị tài sản mà S, N, H chiếm đoạt là 70.800.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo N cho rằng bị cáo chỉ lợi dụng sơ hở của bị hại để trộm cắp xe mô tô của bị hại, bị cáo không có mục đích cùng S, H đánh bị hại để chiếm đoạt xe mô tô, còn việc chiếm đoạt tiền của bị hại bị cáo hoàn toàn không biết, không trực tiếp tham gia nên bị cáo chỉ phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản", không phạm tội "Cướp tài sản".

Xét hành vi và vai trò của bị cáo N trong vụ án, vào ngày 29/9/2019 sau khi nghe Mai Vĩnh S đề xuất với bị cáo là rủ anh Nguyễn Chí L xuống huyện NT, tỉnh Đồng Nai đi ăn uống và lợi dụng sở hở để chiếm đoạt xe mô tô của anh

L, bị cáo đồng ý. Bị cáo bàn với S rủ thêm Nguyễn Văn H (là bạn của S và N) cùng tham gia, H đồng ý và đi đến nhà nghỉ 139 để gặp bị cáo và S. Tại đây, bị cáo, H và S bàn bạc thống nhất để bị cáo đi gặp anh L và đưa anh L đi hát karaoke rồi nói dối là có 02 người anh ở thành phố BH, tỉnh Đồng Nai xuống chơi để bị cáo mượn xe anh L đi đón nhằm chiếm đoạt xe mô tô của anh L, sau khi anh L đến huyện NT bị cáo cùng anh L đi nhiều nơi nhưng bị cáo không tìm được sơ hở để thực hiện việc chiếm đoạt xe mô tô của anh L, sau đó bị cáo dẫn anh L đến thuê phòng 203 thuộc nhà nghỉ 139, ấp 1, xã LT, huyện NT. Tại đây, sau khi bị cáo lén lấy được chìa khóa xe cùng giấy gửi xe của anh L liền nhắn tin cho H biết đến hỗ trợ bị cáo nhằm mục đích kéo dài thời gian để bị cáo chiếm đoạt xe của anh Linh, sau khi nhận tin nhắn của bị cáo, H nhắn tin lại bị cáo với nội dung "Anh lên đánh nó em chạy xe đi", bị cáo trả lời "OK", tại nhà nghỉ 139 H dùng tay đánh vào mặt anh L hai cái để bị cáo có thời gian thực hiện hành vi chiếm đoạt xe của anh L, từ đó cho thấy bị cáo nhận thức rõ việc H đến nhà nghỉ 139 là để đánh anh L nhằm kéo dài thời gian để bị cáo chiếm đoạt xe của anh L, còn tại quán cà phê 207 thuộc khu phố PH, thị trấn HP, huyện NT, H điện thoại cho bị cáo dặn bị cáo nhắn tin vào máy điện thoại của H với nội dung bị cáo còn nợ S và H 12.000.000 đồng nhưng chưa có tiền để trả, mục đích để H đưa tin nhắn cho anh L xem và ép anh L phải trả nợ thay cho bị cáo, bị cáo đồng ý, sau đó bị cáo thực hiện hành vi nhắn tin cho H theo nội dung mà H đã dặn để H và S đe dọa dung vũ lực chiếm đoạt số tiền 12.000.000 đồng của anh L, trong đó có 3.000.000 đồng tiền mặt và anh L nhận nợ lại số tiền 9.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo N, H và S đã phạm vào tội "Cướp tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) với tình tiết định khung hình phạt là "chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng" theo quy định tại điểm đ khoản 2, trong vụ án này S là người giữ vai trò chính còn H và bị cáo giữ vai trò giúp sức, do đó cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Do đó phần kháng cáo này của bị cáo là không có căn cứ nên không chấp nhận.

+ Về việc đề nghị làm rõ các vi phạm về việc bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù và việc chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm của bản án số 102/2020/HS-ST ngày 22/9/2020 của Tòa án huyện NT:

Qua chứng cứ có tại hồ sơ vụ án là giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số 832/GCN ngày 28/5/2022 của trại giam XL cấp cho Bùi Thị Minh N đã chấp hành xong hình phạt tù 3 năm (được giảm 2 lần = 3 tháng; giảm hết thời hạn tù còn lại) theo bản án hình sự sơ thẩm số 102/2020/HSST ngày 22/9/2020 của Toà án nhân dân huyện NT và Quyết định thi hành án số 132/2020/QĐ-CA ngày 27/10/2020 của Toà án nhân dân huyện NT, nhưng tại Bản án hình sự Phúc thẩm số 20/2021/HS-PT ngày 18/01/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã tuyên huỷ toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 102/2020/HSST ngày 22/9/2020 của Toà án nhân dân huyện NT, giao hồ sơ về cho Viện kiểm sát nhân dân huyện NT truy tố xét xử lại và ngày 06/5/2021 Toà án nhân dân huyện

NT đã ban hành Quyết định số 03/2021/QĐ-CA hủy quyết định thi hành án phạt tù số 132/2020/QĐ-CA ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện NT, tỉnh Đồng Nai đối với Bùi Thị Minh N.

Cấp sơ thẩm xác định giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số 832/GCN ngày 28/5/2022 của trại giam XL cấp cho Bùi Thị Minh N không có giá trị pháp lý là đúng quy định pháp luật vì bản án hình sự sơ thẩm số 102/2020/HSST ngày 22/9/2020 của Toà án nhân dân huyện NT đã bị Bản án hình sự Phúc thẩm số 20/2021/HS-PT ngày 18/01/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai tuyên huỷ toàn bộ nên các quyết định liên quan đến việc thi hành bản án số 102/2020/HSST ngày 22/9/2020 của Toà án nhân dân huyện NT không có giá trị pháp lý, còn việc cấp sơ thẩm nhận định thời gian bị cáo được xem xét giảm án không được tính vào thời gian chấp hành án là không phù hợp, bất lợi cho bị cáo, vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo cần xem xét bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù 03 năm theo bản án hình sự sơ thẩm số 102/2020/HSST ngày 22/9/2020 của Toà án nhân dân huyện NT và thời gian 03 năm này được tính là thời gian tạm giam để trừ vào thời hạn tù cho bị cáo là phù hợp, do đó rút kinh nghiệm đối với cấp sơ thẩm phần này và tuyên lại cho đúng.

Trong thời gian bị cáo N chấp hành án tại Trại giam XL, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện NT ban hành lệnh bắt bị can để tạm giam số 27/L-CSĐT(HS) ngày 31/5/2021; Quyết định truy nã số 15/QĐ-CSĐT-HS ngày 27/8/2021; Quyết định tạm hoãn xuất cảnh số 187/QĐ-CSĐT-HS ngày 27/8/2021; Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự số 32/QĐ-CSĐT-HS ngày 27/8/2021; Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can số 32/QĐ-CSĐT-HS ngày 27/8/2021 đối với bị cáo N là không đúng, đã vi phạm thủ tục tố tụng, tuy nhiên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện NT đã ra Quyết định đình nã số 06/QĐĐN-CSĐT-HS ngày 24/6/2022; Quyết định phục hồi điều tra bị can số 04/QĐ-CSĐT-HS ngày 24/6/2022; Quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự đối với bị can số 04/QĐ-CSĐT-HS ngày 24/6/2022 và việc vi phạm trên không ảnh hưởng đến việc xem xét về hành vi phạm tội và tội danh của bị cáo, vì vậy cấp sơ thẩm xét xử vụ án theo thủ tục chung là đúng quy định pháp luật.

Đối với việc bị cáo nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm của bản án số 102/2020/HS-ST ngày 22/9/2020 của Tòa án huyện NT, cấp sơ thẩm đã xem xét khấu trừ vào tiền án phí hình sự sơ thẩm mà bị cáo phải chịu là đúng quy định pháp luật.

+ Về việc xin giảm nhẹ hình phạt:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Bùi Thị Minh N xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ nào đặc biệt mới so với phiên tòa sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy, khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả, trong thời gian chấp hành án tại Trại giam Xuân Lộc bị cáo được giảm án hai lần thể hiện việc chấp hành pháp luật tốt, có ông Nội, ông Ngoại, bà Ngoại là liệt sĩ để áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và xem xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ để áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử bị cáo dưới khung hình phạt với mức án 06 (sáu) năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[3] Xét ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo N không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[4] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện NT, tỉnh Đồng Nai và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đối với kháng nghị: Như đã phân tích ở trên cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự là đúng quy định pháp luật và xử phạt bị cáo về tội "Cướp tài sản" với mức án 06 năm tù là phù hợp, không quá nặng như Viện kiểm sát đã nêu, do đó không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

- Đối với đề nghị của đại diên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Như đã nhận định ở trên cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng nhưng chưa đến mức nghiêm trọng và việc vi phạm không ảnh hưởng đến việc xem xét về hành vi phạm tội và tội danh của bị cáo nên phần đề nghị này không có cơ sở chấp nhận.

Đối với việc thu thập các quyết định liên quan trong quá trình thi hành án Bản án hình sự sơ thẩm số 102/2020/HSST ngày 22/9/2020 của Toà án nhân dân huyện NT. Xét thấy, tại Bản án hình sự Phúc thẩm số 20/2021/HS-PT ngày 18/01/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã tuyên huỷ toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 102/2020/HSST ngày 22/9/2020 của Toà án nhân dân huyện NT nên các quyết định liên quan đến việc thi hành bản án không có giá trị pháp lý, cấp sơ thẩm không thu thập các quyết định trên để liên hệ các cơ quan có thẩm quyền xem xét việc hủy các quyết định đã ban hành là thiếu sót. Tuy nhiên cấp phúc thẩm đã thu thập các quyết định nêu trên và thiếu sót này của cấp sơ thẩm không ảnh hưởng đến nội dung vụ án, hành vi phạm tội và tội danh của bị cáo nên không cần thiết hủy bản án sơ thẩm mà kiến nghị các cơ quan đã ban hành các quyết định liên quan đến việc thi hành bản án hình sự sơ thẩm số

102/2020/HSST ngày 22/9/2020 của Toà án nhân dân huyện NT thực hiện việc hủy các quyết định đã ban hành là phù hợp.

Từ những phân tích ở trên, xét thấy đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại theo thủ tục chung của đại diên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai là không có cơ sở nên không chấp nhận.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thị Minh N và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện NT, tỉnh Đồng Nai. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 235/2022/HS-ST ngày 27/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

+ Xử phạt bị cáo **Bùi Thị Minh N** 06 (sáu) năm tù về tội "Cướp tài sản"

Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian tạm giam trước là 03 năm. *(chấp hành xong hình phạt tù 03 năm của bản án hình sự sơ thẩm số 102/2020/HSST ngày 22/9/2020 của Toà án nhân dân huyện NT)*

+ Kiến nghị các cơ quan đã ban hành các quyết định liên quan đến việc thi hành bản án hình sự sơ thẩm số 102/2020/HSST ngày 22/9/2020 của Toà án nhân dân huyện NT, tỉnh Đồng Nai thực hiện việc hủy các quyết định đã ban hành.

3. Về án phí: Bị cáo Bùi Thị Minh N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN	**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)	(Đã ký)
Ngô Thanh Sỹ – Nguyễn Trung Hưng	**Võ Văn Toàn**

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch;
- Công an huyện Nhơn Trạch;
- Phòng PV 27 - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch;
- Trại giam Xuân Lộc;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Toàn